

Số: 112/2025/QĐ-UBND

Huế, ngày 04 tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng trong trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý của thành phố Huế

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 127/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 155/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng trong trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp thuộc phạm vi quản lý của thành phố Huế.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về diện tích chuyên dùng trong trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Huế quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này, gồm:

a) Kho chuyên ngành như: Kho bảo quản tiền, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý, chứng từ có giá, kho bảo quản các tài sản khác theo yêu cầu thực hiện nhiệm vụ đặc thù của ngành;

b) Kho lưu trữ chuyên dụng: khu vực kho bảo quản tài liệu, khu vực xử lý nghiệp vụ lưu trữ, khu hành chính, khu vực lắp đặt thiết bị kỹ thuật và khu vực phục vụ công chúng.

c) Diện tích rèn luyện thể chất của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức (nếu có);

d) Diện tích chuyên dùng khác không thuộc diện tích quy định tại các điểm a, b và c khoản này phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức (nếu có).

2. Các nội dung không quy định tại quyết định này được thực hiện theo quy định của Nghị định số 155/2025/NĐ-CP của Chính phủ và pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội), đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư), ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị).

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xác định, quyết định, áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.

3. Diện tích chuyên dùng đối với cơ quan của Đảng ở địa phương do Ban Thường vụ thành ủy quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng

1. Định mức sử dụng diện tích tối đa chuyên dùng cho các hoạt động:

TT	Loại diện tích chuyên dùng	Diện tích tối đa (m ²)	
		Các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố; UBND xã, phường	Các đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố; các đơn vị trực thuộc Chính quyền cấp xã
1	Diện tích Kho chuyên ngành	300	100
2	Diện tích Kho lưu trữ chuyên dụng	500	100
3	Diện tích Diện tích rèn luyện thể chất của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, tổ chức	Căn cứ tiêu chuẩn thiết kế kỹ thuật của các bộ môn thể thao {(Tiêu chuẩn thiết kế kỹ thuật công trình thể thao ở Việt Nam được quy định bởi các Tiêu chuẩn Quốc gia (TCVN), bao gồm TCVN 4205:2012 (quy định chung) và TCVN 4529:2013 (chi tiết về thông số kỹ thuật bề mặt sân)} để lập phương án sử dụng diện tích đất, diện tích nhà phù hợp, tiết kiệm	
4	Diện tích chuyên dùng khác	Quy định tại khoản 2 Điều này	

2. Định mức sử dụng diện tích tối đa khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của một số đơn vị đặc thù:

a) Trung tâm lưu trữ thuộc Sở Nội vụ: 5.000 m² (bao gồm tài liệu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc nguồn nộp lưu vào lưu trữ thành phố theo Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15).

- b) Kho tạm giữ tang vật vi phạm hành chính cấp xã: 500 m²;
- c) Báo và Phát thanh, Truyền hình Huế: 1.000 m² (trực phát sóng; Studio: sản xuất chương trình, quảng cáo và chuyên đề; Khu vực dựng hình và sever lưu trữ trung tâm; trung tâm giao dịch quảng cáo; ...);
- d) Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế: 2.500 m² (Nhà tập của Nhà hát Nghệ thuật Truyền thống Cung đình Huế, kho bảo quản trang phục biểu diễn, âm thanh, dụng cụ dùng trong các lễ tế, vật dụng dùng trong các lễ tế, vật dụng dùng tổ chức tiệc cung đình, ...);
- đ) Bảo tàng Cổ vật Cung đình Huế thuộc Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế: 2.000 m² (Kho cổ vật);
- e) Không gian giới thiệu, quảng bá, tổ chức một số hoạt động về lĩnh vực xúc tiến đầu tư, hỗ trợ đầu tư, xúc tiến thương mại, khuyến công, hỗ trợ doanh nghiệp và các hoạt động khác có liên quan của thành phố: 500 m²;

3. Đối với diện tích khác phục vụ nhiệm vụ đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị đặc thù khác (nếu có), căn cứ nhu cầu thực tế cơ quan, tổ chức, đơn vị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án sau khi lấy ý kiến bằng văn bản của Sở Tài chính tham gia về nhu cầu xây dựng và Sở Xây dựng tham gia về diện tích sử dụng.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng tại Quyết định này và các quy định của pháp luật có liên quan để lập kế hoạch và dự toán ngân sách; giao, đầu tư xây dựng, mua sắm phục vụ công tác đặc thù của ngành và có trách nhiệm thực hiện quản lý, sử dụng theo đúng quy định.

2. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp cùng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan hướng dẫn, kiểm tra trong quá trình thực hiện Quyết định.

Điều 5. Xử lý chuyển tiếp

Đối với dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì không xác định lại diện tích theo tiêu chuẩn, định mức theo quy định tại Quyết định này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 11 năm 2025 và thay thế Quyết định số 58/2022/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 7. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Thành ủy;
- HĐND thành phố; Đoàn ĐBQH tp; UBMTTQVN tp;
- TT. Đảng ủy, HĐND các phường, xã;
- Công TTĐT thành phố; Công báo thành phố;
- VP: Lãnh đạo và các CV;
- Lưu: VT, DN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Quý Phương